**UNG THƯ THẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi Đúng Sai.**  **Câu 1. Xác định tình huống đúng trong các trường hợp sau**   1. Ung thư thận là loại ung thư hay gặp nhất của hệ tiết niệu 2. Ung thư thận hay gặp ở độ tuổi từ 50 – 70 tuổi. 3. Nam hay gặp nhiều hơn nữ tỷ lệ 2/1. 4. Beó phì và thuốc lá là yếu tố nguy cơ của ung thư thận.   **Câu 2. Những xét nghiệm nào cần thiết để chẩn đoán ung thư thận.**   1. Siêu âm. 2. Chụp hệ tiết niệu không chuẩn bị 3. Chụp niệu đồ tĩnh mạch 4. Chụp bàng quang niệu quản ngược dòng.   **Phần câu hỏi MCQ thông thường:**  **Câu 1. Bệnh nhân được chẩn đoán ung thư thận ở giai đoạn I, II, III lựa chọn phương pháp điều trị đúng:**   1. Cắt thận rộng rãi. 2. Tia xạ. 3. Điều trị hoá chất 4. Điều trị miễn dịch   **Câu 2. Bệnh nhân được chẩn đoán ung thư Thận ở giai đoạn IV, lựa chọn phương pháp điều trị đúng:**   1. Cắt thận rộng rãi. 2. Tia xạ. 3. Điều trị hormon 4. Điều trị miễn dịch   **Phần câu hỏi MCQ tổ hợp.**  **Câu 1.** Những **dấu hiệu lâm sàng** nào giúp nghĩ tới Ung Thư Thận   1. Đái máu 2. Đái buốt, giắt. 3. Gầy sút 4. Thận to   A. a+b B. b+c C. c+d D. d+a  **Câu 2. Tỷ lệ gặp u phì lành tính TLT:**   1. 40 – 50 tuổi: 20% 2. 51-60 tuổi: 50% 3. > 60 tuổi: 90% 4. > 80 tuổi: 75%.   A. a+b B. b+c C. c+d D. d+a  **Câu 3. Sắp xếp theo trình tự đúng** các xét nghiệm để **chẩn đoán bệnh** u phì đại lành tính TLT:   1. Siêu âm 2. Chụp niệu đồ tĩnh mạch 3. Định lượng PSA 4. Sinh thiết TLT   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 4.** Xác định các dấu hiệu của **ung thư**:   1. Thăm trực tràng TLT có nhân cứng. 2. Định lượng PSA tăng cao. 3. Siêu âm TLT không đồng nhất, có ổ rỗng âm 4. Chụp niệu đồ tĩnh mạch: hệ tiết niệu bình thường.   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 5.** Xác định các dấu hiệu của **áp xe TLT**   1. Bệnh nhân trên 60 tuổi. 2. Có dấu hiệu nhiễm trùng 3. Rối loạn tiểu tiện 4. Thăm trực tràng: cơ thắt hậu môn nhão, TLT căng to, mềm ấn đau.   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 6.** Xác **định tác dụng điều trị nội khoa** u phì đại lành tính TLT:   1. Làm nhỏ u phì đại TLT 2. Chống co thắt cổ bàng quang và TLT 3. Chống phù nề cổ bàng quang 4. Giảm kích thích vùng cổ bàng quang   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 7.** Xác định các dấu hiệu chỉ **định điều trị nội khoa** TLT   1. U phì đại TLT nhỏ 2. U phì đại TLT ở giai đoạn I 3. Nước tiểu tồn dư sau tiểu tiện < 100ml 4. Bệnh nhân đang có biểu hiện nhiễm trùng tiết niệu   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 8.** Xác định các dấu hiệu chỉ định **điều trị ngoại khoa** TLT   1. U phì đại TLT ở giai đoạn II, III 2. Lượng nước tiểu cặn < 100ml 3. Bệnh nhân bí đái phải đặt sonde niệu đạo 4. Nhiễm khuẩn tiết niệu, sỏi bàng quang, túi thừa bàng quang phối hợp.   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Câu 9.** Xác định các dấu hiệu **chỉ định điều trị cắt** u phì đại TLT **bằng nội soi**   1. U phì đại TLT nhỏ và vừa 2. U phì đại TLT có túi thừa bàng quang mắc phải phối hợp. 3. U phì đại TLT có sỏi nhỏ bàng quang phối hợp. 4. U phì đại TLT có hẹp niệu đạo phối hợp.   A. a+b+c B. a+c+d C. b+c+d D. c+d+a  **Phần câu hỏi tình huống case study:**  **Một bệnh nhân đến khám vì đái máu đơn thuần, những bệnh lý nào sau đây gay đái máu, hãy sắp xếp theo thứ tự thường gặp.**   1. Sỏi tiết niệu 2. U bàng quang 3. U thận 4. Viêm bàng quang.   A. a-b-c-d B. b-c-d-a C. c-d-a-b D. d-a-b-c | S Đ Đ Đ  Đ S Đ S  A  D  a,c,d  A  B  A (trừ d)  B (trừ a)  B (trừ a)  B (trừ a)  C (trừ b)  A  B. b-c-d-a |